

## NGUYỄN BÌNH KHIÊM VỚI *BẠCH VÂN QUỐC NGŨ THI TẬP*: CÁC HÌNH THỨC DIỄN ĐẠT VỀ SỰ ẨN DẬT

LÊ VĂN TÂN\*

### TÓM TẮT

“*Bạch Vân quốc ngữ thi tập*” là tập thơ chữ Nôm được Nguyễn Bình Khiêm sáng tác chủ yếu trong thời gian ở ẩn tại làng Trung Am, huyện Vĩnh Lại (nay thuộc Vĩnh Bảo - thành phố Hải Phòng). Khác với các nhà nho ẩn dật khác trước và sau ông, con đường trở về với không gian ẩn này với Nguyễn Bình Khiêm khá nhẹ nhàng, thanh thản. Ông đã lựa chọn được một cách ứng xử với thời cuộc rất độc đáo, có một không hai. Từ điểm nhìn không gian Trung Am, thi nhân đã diễn đạt thành công các hình thức ẩn của mình trong tập thơ. Đây là nội dung chính được chúng tôi triển khai trong bài báo của mình.

**Từ khóa:** Nguyễn Bình Khiêm, *Bạch Vân quốc ngữ thi tập*, thơ Nôm Đường luật, ẩn dật, làng Trung Am.

### ABSTRACT

*Nguyen Binh Khiem with “Bach Van’s Nom poem anthology”*: forms of seclusion

*Bach Van’s Nom poem anthology* composed of Nom poems by Nguyen Binh Khiem during his time living secludedly in Trung Am village, Vinh Lai province (now Vinh Bao province, Hai Phong). Unlike other secluded poets, Nguyen Binh Khiem chose an easy, gentle secluded life. He chose a unique attitude to life. In this anthology, the author had successfully used forms of seclusion. This is the main issue presented in this article.

**Keywords:** Nguyen Binh Khiem, *Bach Van’s Nom poem anthology*, Poetry Nom Duong law, secluded life, Trung Am village.

### 1. Không gian làng Trung Am: nơi bắt đầu và mãi mãi

Nguyễn Bình Khiêm quê ở làng Trung Am, huyện Vĩnh Lại (nay là huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng). Ông sinh năm 1491, thời điểm nhà Lê phát triển cực thịnh, và mất năm 1585, khi nhà Mạc đã chiếm cứ phần lớn Bắc Bộ. Bức tranh xã hội Việt Nam đương thời khá rối ren khi các tập đoàn phong kiến phân tranh, giành đoạt quyền lợi lẫn nhau, đời sống của nhân dân một số nơi rơi vào cảnh nghèo đói, li tán.

Là môn đệ của cửa Không sân

Trình, Nguyễn Bình Khiêm ôm ấp lí tưởng “trí quân trạch dân”, “tiên ưu hậu lạc” của nhà nho song ông lại khá thận trọng quan sát thế cuộc để lựa chọn thời điểm hành đạo thích hợp nhất. Bỏ qua nhiều kì thi, đến năm 1535, khi đã ở tuổi 45 ông mới ứng thí và đậu Trạng Nguyên, sau đó làm quan cho nhà Mạc - triều đại vẫn từng bị coi là “nguy triều” lúc bấy giờ. Sự lựa chọn của Nguyễn Bình Khiêm trong tình huống này, ở một phương diện nào đó có thể “bất đắc dĩ” nhưng hẳn là với một nhận thức rất tiên bộ, linh hoạt của mình, ông đã nhìn thấy

\* TS, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam; Email: tanlv0105@gmail.com

được những mặt tốt đẹp của vương triều mới. Ít nhất đó là cơ hội để một người như ông có thể hiện thực hóa mơ ước, lí tưởng của mình từng ôm ấp bấy lâu (thời gian không cho phép ông nấn ná thêm được nữa!). Nguyễn Bình Khiêm đã hi vọng, ít nhất là triều Mạc có thể mang đến một sự đổi thay nhất định nào đó, để có thể đưa đất nước ra khỏi tình trạng rối ren, loạn lạc mà các vua Lê như Uy Mục, Tương Dực và quyền thần đã gây ra. (Tiếc rằng sự trị vì của Mạc Đăng Doanh, người kế vị Mạc Đăng Dung, chỉ kéo dài trên dưới 10 năm (1530-1540). Ngay sau sự kiện này không lâu, Mạc Đăng Dung (tuy lúc này không còn ở ngôi nữa) đã làm một việc đê nhục tới thể diện quốc gia: cắt đất, thần phục “thiên triều” và không danh chính xung vương. Sự kiện này đã tạo nên một sự “va đập” rất mạnh vào niềm tin của nho sĩ Nguyễn Bình Khiêm. Ngày 22 tháng 8 âm lịch năm 1541, Mạc Đăng Dung mất thì đúng một năm sau, năm 1542, Nguyễn Bình Khiêm dâng “sớ đàn hạch” xin chém 18 lộng thần. Mạc Phúc Hải không chấp thuận, Nguyễn Bình Khiêm xin về hưu. Ông lựa chọn chính nơi từng cất bước ra đi để trở về dưỡng hối: Làng Trung Am, huyện Vĩnh Lại (nay thuộc Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng). Tại đây, ông mở quán Trung Tân, lập am Bạch Vân, lấy hiệu Bạch Vân cư sĩ và mở trường dạy học. Khát vọng hành đạo của kẻ sĩ được ông tạm thời gác lại, truyền dạy, gửi gắm và kí thác qua các bài giảng cho môn đệ và qua thơ văn.

Trong thời gian hưu trí ở quê nhà, Nguyễn Bình Khiêm vẫn gián tiếp dự bàn

vào chính sự. Các phe phái, tập đoàn phong kiến thường qua lại xin ý kiến của ông. Điều đó chứng tỏ ở ông uy vọng lớn mà không phải nho gia nào cũng có được, và ở một góc độ nào đó có thể thấy cách hành đạo rất riêng của Nguyễn Bình Khiêm. Việc ông khuyên họ Mạc nên trấn thủ đất Cao Bằng, họ Nguyễn vào giữ Thuận Hóa, họ Trịnh mượn danh nghĩa nhà Lê mà giữ trọng quyền ở trung ương theo kiểu “Giữ chùa thờ Phật thì ăn oản” đến giờ vẫn chỉ là tương truyền. Song điều này cho thấy nhận thức khá linh hoạt của Nguyễn Bình Khiêm về tình hình chính trị lúc đó. Ông là người kịch liệt phê phán, phản đối chiến tranh, cát cứ. Song việc khuyên ba thế lực trấn giữ ba địa phận thì hóa ra là ông đã tiếp tay cho nạn cát cứ? Có lẽ điều này cần được nhìn từ thực tế khi Nguyễn Bình Khiêm thấy rằng thời điểm thống nhất đất nước, giang sơn thu về một mối chưa chín muồi. Khoan hòa và giữ ở hiện trạng như thế ít nhất để đời sống của nhân dân tạm yên ổn, huynh đệ giảm đi sự tương tàn nôi da nấu thịt. Và bản thân ông, do sự quy định của lịch sử cũng hoàn toàn bất lực về việc tìm kiếm một nền hòa bình vững chắc cho đất nước thống nhất.

Từ năm 1554 đến năm 1561, Nguyễn Bình Khiêm có tới hai lần theo quân Mạc đi đánh anh em Vũ Văn Mật ở Tuyên Quang. Ông từng lấy tình bè bạn khuyên Nguyễn Thiên răn con trai Nguyễn Quyện và lấy tình thầy trò khuyên Nguyễn Quyện bỏ Lê - Trịnh về với nhà Mạc. Khoảng năm 1563 thì Nguyễn Bình Khiêm xin về trí sĩ tại quê hương và từ đây tới khi mất, ông không

tham gia trực tiếp vào chính sự nữa. Trước khi mất, Nguyễn Bình Khiêm còn để lại cho Mạc Mậu Hợp kế hoạch để có thể duy trì dòng họ của mình ở đất Cao Bằng. Điều này thêm một minh chứng cho thấy tình cảm, sự gắn bó khá sâu sắc của họ Nguyễn với nhà Mạc. Năm 1585, khi nghe tin Nguyễn Bình Khiêm mất, vua Mạc đã sai Mạc Kính Điển làm Khâm sai, cùng các con về dự tế, truy phong ông Thượng thư bộ Lại, Thái phó Trình quốc công, lại ban cho sở tại ba nghìn quan tiền để lập đền thờ và cấp một trăm mẫu ruộng tự điền để thờ cúng. Học trò làm văn tế Nguyễn Bình Khiêm và tôn ông là Tuyết Giang phu tử.

Như vậy, sinh ra ở làng Trung Am và trở về hưu trí cũng như mất tại làng Trung Am đối với Nguyễn Bình Khiêm có một vai trò cực kì quan trọng. Nó là nơi bắt đầu cũng là nơi trở về mãi mãi của một con người say mê lí tưởng, khát vọng cống hiến luôn sục sôi. Nẻo đường hành đạo của ông, nhìn bề ngoài có thể không có nhiều sóng gió song ở vào bất kì thời điểm nào, trong mỗi sự lựa chọn đều mang cái dữ dội riêng của nội tâm ông. Chỉ có điều, với tư cách của bậc túc nho, trí và dũng đều đạt độ cao siêu, Nguyễn Bình Khiêm đã thể hiện ra bên ngoài, qua thơ văn, sự ung dung, tự tại, bình thản đến bất ngờ đối với đương thời cũng như hậu sinh. Đối với sáng tác thơ văn, qua “*Bạch Vân am thi tập*” và đặc biệt “*Bạch Vân quốc ngữ thi tập*”, người đọc sẽ thấy ở đó bằng bạc không gian làng Trung Am, không gian thực giữa cõi đời mà bằng láng sương khói, mệnh mang cho

cái tôi ẩn sĩ Nguyễn Bình Khiêm thể hiện, bảo toàn di dưỡng sự cao khiết của khí tiết trước tục lụy.

## 2. Ẩn là chối từ danh lợi

*Danh* là hướng đến giá trị tinh thần; còn *lợi* là những giá trị vật chất. Với nho sĩ nói chung và người ẩn dật nói riêng thì danh và lợi luôn là những vấn đề được họ đề cập, còn thái độ của họ với điều đó thì ở mỗi người mỗi khác.

Nguyễn Bình Khiêm cũng từng coi vấn đề *lập danh* là một nội dung quan trọng trên con đường hành đạo của mình. Nhưng khác với các nhà nho trước và sau mình, thi nhân không quá trăn trở về điều này. Khảo sát “*Bạch Vân quốc ngữ thi tập*”, chúng tôi thấy chỉ có một lần ông đề cập chí hướng công danh:

*Đôi chữ công danh còn xấp nắm,  
Một lòng ưu ái hãy lăm le.*

(Bài 111)<sup>1</sup>

Lí giải về điều này, có lẽ là xuất phát từ nhận thức của Nguyễn Bình Khiêm: Ông cảm thấy hài lòng, tri túc về những gì mình đã đạt được trên phương diện danh vọng, kể cả sự thụ hưởng về vật chất:

*Hễ kẻ làm quan đã có duyên,  
Tôi lui mặc phận tự nhiên.  
Thân xưa hương lửa chẳng còn ước,  
Chí cũ công danh đã phi nguyên.*

(Bài 51, tr.95)

Hài lòng về công danh của mình - đây là điều hiếm thấy ở nho sĩ trung đại, kể cả mẫu người ẩn dật. Thêm một lí do để giải thích cho thái độ ung dung, tự tại của ông khi chan hòa cùng với cuộc sống thôn xóm, không gian làng Trung Am.

Từ đó, ông tìm cách đối lập giữa công danh và đời sống của ẩn sĩ. Công danh là khổ lụy, mặn nhạt, chông gai. Người chạy theo công danh sẽ khó có thể tìm kiếm một cuộc sống bình an. Cuộc sống ẩn dật thì vui thú, thỏa mãn về tinh thần:

*Thuở áng công danh, nhiều phải lụy,  
Trong nơi ẩn dật mấy nên mầu.  
Thuở nơi doanh mẫn là nơi tổn,  
Hãy gẫm chi hay mới kéo âu.*  
(Bài 9, tr.60)

*Mùi thế gian nhiều mặn nhạt,  
Đường danh lợi có chông gai.  
Mấy người phú quý hay yên phận?  
Hễ kẻ anh hùng những cậy tài?*  
(Bài 40, tr.85)

Nhìn thấy bước đường công danh nhiều hiểm trở mà ông ngại chen để kiếm tìm cuộc sống ẩn:

*Thấy dặm thanh vân bước ngại chen,  
Được nhàn, ta sá dưỡng thân nhàn.  
Ba gian am quán, lòng hằng mến,  
Đòi chốn sơn hà, mặt đã quen.*  
(Bài 8, tr.59)

Phủ định danh lợi từ căn gốc triết học trong tư tưởng Lão - Trang, Nguyễn Bình Khiêm coi công danh, lợi lộc ở đời chỉ như một giấc chiêm bao, như giấc mộng mà thôi:

*Lần lữa ngày qua tháng qua,  
Một phen xuân tới, một phen già.  
Ái ưu bằng vạc: trắng in nước,  
Danh lợi láng láng: gió thổi hoa.*  
(Bài 1, tr.53)

*Rượu đến cội cây, ta sẽ uống,  
Nhìn xem phú quý tựa chiêm bao.*  
(Bài 73, tr.114)

*Nép mình qua trước chốn xông xao,  
Mấy sự bên tai, gió thổi phào.  
Cửa trúc vỗ tay cười khúc khích,  
Hiên mai vắt căng hát nghêu ngao.*  
(Bài 83, tr.123)

### 3. Ẩn là đứng cao hơn thế tục

Lựa chọn một điểm dừng chân: làng Trung Am nhưng Nguyễn Bình Khiêm lại can thiệp khá sâu vào cục diện của đất nước đương thời, điều đó thể hiện uy vọng rất lớn của ông đối với các tập đoàn phong kiến. Trong thơ, ta sẽ thấy hình tượng của một thi nhân luôn đứng cao hơn tục lụy, nhìn về tục lụy bằng con mắt của một người đạt được cái đạo của ẩn sĩ: vinh hay nhục, khen hay chê, được và mất đều trở nên vô nghĩa:

*Vinh nhục ba phen hănh đã từng,  
Lòng người, sự thế láng láng.  
Khen thì nên ngộ, chê nên dại,  
Mất ắt chẳng âu, được chẳng mừng.*  
(Bài 6, tr.67)

*Móng phúc vun, hòng ngày một này,  
Cửa nho ngỏ, kéo phải then cài.  
Yên đời phận dẫu tự tại,  
Lành dữ khen chê, cũng mặc ai.*  
(Bài 12, tr.63)

Con người ấy tìm được niềm vui thú với cuộc sống của người ở ẩn. Đời sống vật chất chỉ để duy trì sự tồn tại luôn có sẵn trong tự nhiên. Con người ấy nói đến sinh hoạt vật chất mà thực lại là đời sống tinh thần:

*Khát uống chè mai hơi ngọt ngọt,  
Sốt, kẻ hiên nguyệt gió hiu hiu.*  
(Bài 3, tr.54)

*Cơm ăn chẳng quản dưa muối,  
Áo mặc nài chi gấm thêu?*

(Bài 67, tr.110)

Cuộc sống của ẩn sĩ là cuộc sống tự cấp tự túc, đôi thì cày ruộng để tăng gia sản xuất, tự trồng trọt để lấy rau quả (không thấy nhắc đến chăn nuôi):

*Cày ăn, đào uống yên đời phận,  
Sự thể chẳng hay đã Hán, Tần.*

(Bài 50, tr.94)

*Ruộng thì hai khóm đất con ong,  
Đầy tớ ta cày kéo muện mòng.*

(Bài 52, tr.96)

*Ruộng năm, bảy khóm trồng cây lúa,  
Tầm chín, mười nong để giống ngài.*

(Bài 122, tr.155)

Ẩn sĩ làng Trung Am tìm tới một cuộc sống thanh đạm, giản dị, lấy bàn rượu cuộc cờ, án sách làm thú vui, trăng thanh gió mát làm bầu bạn, uống trà, ngắm cảnh, thưởng ngoạn thiên nhiên... Ẩn sĩ ấy tự thấy mình là khách nhân, là tiên giữa cõi tục:

*Nước tuyết hâm trà dưới bếp,  
Bút hoa điểm sách trên yên.  
Nương song, ngày tiếc mùi hương lọt,  
Nói chén, đêm âu bóng quế tan.*

(Bài 23, tr.71-72)

*Bàn cờ, cuộc rượu, vầy hoa trúc,  
Bó củi, cần câu, trốn nước non.  
Nhàn được thú vui hay nấn ná,  
Bữa nhiều muốn bẻ chứa tươi ngon.*

(Bài 29, tr.76)

*Hễ của tự nhiên, có ít nhiều,  
Một kho tạo hóa cũng chia đều.  
Hương đầy tiệc khách, hoa khi rụng,  
Hứng đầy vườn xuân, chim thỏ kêu.  
Án cũ giờ xem ba quyển sách,  
Song thưa, nơi nghỉ một con lều.*

*Non xanh nước biếc xưa là hẹn,  
Ngẫm nghĩ đời khi chó báy nhiều.*

(Bài 37, tr.82)

#### 4. ẨN LÀ HÒA MÌNH VÀO THIÊN NHIÊN

Đối với ẩn sĩ thì thiên nhiên là môi trường lí tưởng nhất để họ ẩn, giấu mình đi trước cõi tục. Bởi thiên nhiên chứa đựng trong nó cái bản nguyên chân tính cao khiết. Thiên nhiên thanh sạch, tĩnh lặng sẽ là không gian đối lập với đời sống xã hội đương thời. Người ẩn dật dù ở đường hướng nào khi đã lựa chọn con đường thoái lui bao giờ họ cũng chọn sơn khê, nơi có thiên nhiên bao trùm làm môi trường ẩn của mình. Có người chọn không gian núi non, xa với cuộc sống xã hội như Nguyễn Trãi, Nguyễn Dữ; có người lại lựa chọn không gian ẩn gần với cuộc sống của nhân dân hơn như trường hợp của Nguyễn Bình Khiêm (cùng típ với Nguyễn Khuyến sau này). Và tất nhiên, sẽ là lí tưởng nếu như nơi bắt đầu con đường dẫn thân hành đạo của họ lại chứa đựng đủ đầy những giá trị để họ có thể trở về dưỡng hối như trường hợp của làng Trung Am<sup>2</sup>. Nhưng điều đáng nói ở đây là ở chỗ: dù không gian ẩn này có gần với sinh hoạt xã hội đến đâu thì bản thân nho sĩ bao giờ cũng tạo ra một khoảng cách nhất định, khoảng cách về không gian chứ không phải khoảng cách về mặt tình cảm. Đọc “*Bạch Vân quốc ngữ thi tập*”, hẳn người đọc sẽ thấy ở đó bằng bạc cái không gian Trung Am của quê hương họ Nguyễn. Song không gian đó lại có cái bằng lặng sương khói, có trăng, có mây, có sông nước, có trúc, có chim, có hoa... Tất cả tạo ra một không gian, môi trường phù hợp với ẩn sĩ. Lập

quán Trung Tân, dựng am Bạch Vân chính là cái cách mà Nguyễn Bình Khiêm tạo lập cho mình một không gian như thế. Điểm nhìn nghệ thuật của hầu hết sáng tác của ông lúc này cần được nhìn nhận từ không gian sống của ông là vì lẽ đó. Và trong nhiều trường hợp, tác giả có nhắc đến am, am quán:

*Bóng hoa lệ động, am chưa phát,  
Măng trúc còn tươi, bếp mới sôi.*

(Bài 10, tr.61)

*Bạch Vân am vắng chim kêu muợn,  
Kim tuyết dòng thanh cá mát tươi.*

(Bài 109, tr.145)

*Tử mạch, đường người la ý rợp,  
Bạch Vân, am tớ có hoa tươi.*

(Bài 110, tr.146)

Trong thời gian ở ẩn tại Trung Am, thi nhân luôn thể hiện mình là một ẩn sĩ thanh cao, hòa mình vào thiên nhiên, lấy thiên nhiên làm môi trường sống đích thực của mình. Không gian đó có sông suối, trúc mai, thông cúc, bốn mùa như tranh vẽ:

*Cảnh cũ vẫn còn non nước cũ,  
Chốn nào là chẳng chốn xuân phong.*

(Bài 34, tr.80)

*Trăng thanh, gió mát lìa tương thức,  
Nước biếc, non xanh, ấy cố tri.*

(Bài 84, tr.124)

*Nước biếc, non xanh, thuyền cuối bãi,  
Đêm thanh, nguyệt bạc, khách trên lầu.*

(Bài 116, tr.151)

Từ đây, Nguyễn Bình Khiêm đã viết nên những câu thơ đẹp, giàu mỹ cảm thể hiện sự giao hòa giữa con người ẩn sĩ với thiên nhiên. Thiên nhiên và con người như một mà hai, như hai mà một:

*Hoa nở, luống hay tin gió,  
Đầm thanh, còn thấy dáng trăng.*

(Bài 16, tr.66)

*Đêm, đợi trăng cài bóng trúc,  
Ngày, chờ gió thổi tin hoa.*

(Bài 17, tr.67)

*Thu êm, cửa trúc hồng vân phủ,*

*Xuân tỉnh, đường hoa tử cầm phong.*

(Bài 52, tr.96)

Ở một phương diện nào đó, có thể thấy thiên nhiên trong *Bạch Vân quốc ngữ thi tập* mặc dù có hướng tới không gian cao rộng của vũ trụ nhưng chúng tôi cảm nhận điều đó không nhiều mà hình như ẩn sĩ Nguyễn Bình Khiêm muốn tạo ra một không gian ẩn với sắc màu bàng bạc, bàng lãng khói sương giữa cõi tục. Thi nhân thì như tiên khách giữa chốn trần tục. Đây chính là điểm khá thú vị, tạo nên một nét riêng của tác giả trong việc xác lập hình ảnh ẩn sĩ hòa mình vào thiên nhiên môi trường sống so với các ẩn sĩ khác trước và sau ông:

*Đứng đỉnh hôm mai, chơi nước trí,  
Nghêu ngao ngày tháng, dạo non nhân.*

*Kìa kìa Lữ Vọng câu Bàn Thạch,*

*Nọ nọ Nghiêm Quang nấu Phú Xuân.*

(Bài 133, tr.164)

*Ngắm chơi đã trải miền thôn dã,  
Hóng mát từng vui chốn thạch bàn.*

*Một cỏ hoa đều đủ được,*

*Rất vời thông thả cõi trần gian.*

(Bài 142, tr.171)

*Đèo núi vỗ tay cười khúc khích,*

*Rặng thông vắt căng hát nghêu ngao.*

(Bài 143, tr.171)

### 5. Không ần mà ần

Do đặc thù trong tính cách Việt từ xưa và có lẽ đến tận ngày nay: dung hòa, ngại sự cực đoan nên khác với ần sĩ Trung Hoa, hầu hết ần sĩ Việt Nam là “bất đắc chí”. Trường hợp lựa chọn con đường ần xuất phát từ bản nguyên chân tính khi căn cốt họ phù hợp với đời sống ần ở Việt Nam không nhiều, đúng hơn là không có. Trong ứng xử với vương triều đương thời hay ứng xử với sinh hoạt xã hội cũng như trong sáng tác, các nhà nho ần dật thường hé lộ ở họ sự dửng dăng day dứt về một hướng lựa chọn cuộc đời khá rõ rệt. Khi tại chức thì đã đành, ngay cả khi đã li tâm khỏi thị thành, họ luôn thể hiện sự quan tâm tới chính sự, gửi gắm và kí thác khát vọng hoạn lộ chưa hoàn thành của mình. Đây là một phương diện làm nên vẻ đẹp tư tưởng trong hệ thống sáng tác của nhiều nho sĩ. Điều này chúng ta có thể thấy rất rõ ở trường hợp tiêu biểu là Nguyễn Trãi. Hãy xem những vần thơ ông viết từ điểm nhìn không gian Côn Sơn:

*Quân thân chưa báo lòng canh cánh,*

*Tình phụ com trời áo cha.*

(Ngôn chí, số 7)<sup>3</sup>

*Còn có một lòng âu việc nước,*

*Đêm đêm thức nhĩn nẻo sơ chung.*

(Thuật hứng, số 23)<sup>4</sup>

Tất nhiên, hoàn cảnh thời đại và hoàn cảnh cá nhân của Nguyễn Trãi cũng như của mỗi nho sĩ là khác nhau. Điều mà chúng tôi muốn nhấn mạnh ở đây là việc Nguyễn Bình Khiêm đã sống đến tận cùng cho cuộc sống ần dật của mình. Trong thời gian ở ần tại quê nhà, hành động hai lần theo nhà Mạc để đánh dẹp

họ Vũ chỉ là một biểu hiện của một con người sống có trước có sau, có tín nghĩa, ân tình của ông. Còn trong thơ, đây đó có đôi ba chỗ ông thể hiện sự quan tâm tới chính sự, thời cuộc, vẻ như nợ quân thân còn chút vương vấn trong lòng thi nhân. Có thể dẫn ra đây một số ví dụ:

*Đã ngoài mọi việc, chẳng còn ước,  
Ước một tôi hiền, chúa thánh minh.*

(Bài 26, tr.74)

*Lộc nặng, há quên ơn chúa nặng?  
Máy nên, những lệ thuở công nên.*

(Bài 36, tr.82)

*Non nước vui chơi đã mặc dầu,  
Hãy còn canh cánh chí sơ âu.*

(Bài 114, tr.149)

Rõ là đọc những câu thơ trên chúng ta thấy nỗi niềm của thi nhân về triều chính, xã tắc rất nhẹ nhàng, nói là bàng quan thì không hẳn song mọi sự với ông nhi nhiên tự nó, lẽ vắn xoay là quy luật muôn đời vậy. Người đọc không tinh sẽ lầm tưởng Nguyễn Bình Khiêm ần mà không ần hết, không đạt đạo ần của kẻ sĩ tìm đường thoái lui. Cố nhiên mảng sáng tác mà ông thể hiện những quan tâm sâu sắc về thế sự, về lẽ đời, về thế đạo nhân tâm lại là một chuyện khác. Ở đây, từ phương diện ần mà nói, Nguyễn Bình Khiêm không có cái mặc cảm của kẻ sĩ “công chưa thành” mà “thân đã thoái” như những người khác. Ông thoái ở một tư thế đã “thành”, hơn nữa ở tư thế mọi sự thành bại không hề khiến ông bận lòng. Ông ý thức rất rõ sứ mạng của ông đã hết và khi lựa chọn một ngã rẽ là ông thỏa chí, thích chí theo tư tưởng của Lão:

Mặt trời vàng, còn in bóng thỏ,  
Đầu non bạc, đã chặt cây chinh.  
(Bài 42, tr.86)

Song hiên ngỏ cửa ngồi xem sách,  
Tự tại ngày qua mấy kẻ bằng.  
(Bài 66, tr.109)

Một mai, một cuộc, một cân câu,  
Thơ thần, dù ai vui thú nào.  
Ta đại, ta tìm nơi vắng vẻ,  
Người khôn, người đến chốn lao xao.  
Thu ăn măng trúc, đông ăn giá,  
Xuân tắm hồ sen, hạ tắm ao.  
Rượu đến cội cây, ta sẽ uống,  
Nhìn xem phú quý tựa chiêm bao.  
(Bài 73, tr.114)

## 6. Và hệ thống ngôn ngữ ẩn

Hệ thống ngôn ngữ ẩn của Nguyễn Bình Khiêm khá phong phú với nhiều hình thức diễn đạt khác nhau. Trong số 254 bài thơ Nôm của *Bạch Vân quốc ngữ thi tập*, ông dùng tổng cộng là 54 từ *nhàn*. Có thể nói, ông đã tạo ra cho riêng mình một triết lí về sự nhàn. Nhàn với ông là sự đối lập giữa danh lợi với ẩn dật mà ở đó thi nhân được tự do, thích chí, ung dung tự tại. Nhàn giúp ông di dưỡng tính tình, đứng cao hơn thế tục:

Cửa mạn, người yêu, nhiều khách  
trọng,

Am hoa, ai ủ đến ông *nhàn*.  
(Bài 22, tr.71)

Ất đà từng phụ lộc triều quan,  
Lại được về *nhàn*, dưỡng tuổi tàn.  
(Bài 23, tr.71)

Người tham phú quý, người hằng  
trọng,

Ta được thanh *nhàn*, ta sá yêu.  
(Bài 47, tr.91)

Có 6 lần ông sử dụng chữ *ẩn/ẩn dật* và 6 lần ông dùng chữ *dưỡng*. Một số ví dụ:

Anh hùng, người lấy tài làm trọng,  
*Ẩn dật*, ta hay thú có màu.  
(Bài 28, tr.75)

Mới hay phú quý bởi thời vắn,  
Tua niệm ngang tàng thú *dưỡng* thân.  
(Bài 86, tr.126)

Đặc biệt, để diễn đạt sự ẩn của mình, Nguyễn Bình Khiêm đã sử dụng hàng loạt các từ ngữ như *lui* (3 lần), *ngại chen* (3 lần), *lánh* (2 lần), *nép* (1 lần) và đặc biệt ông thích sử dụng từ *vô sự* (8 lần). Qua những cách diễn đạt này, thêm một minh chứng ở Nguyễn Bình Khiêm, sự lựa chọn cuộc sống ẩn rất tự nhiên, an nhiên, thích thẳng, ung dung và thư thái hơn nhiều so với các ẩn sĩ khác. Ví dụ một số trường hợp:

Mưa hể toan lợi, mưa toan công,  
*Lui* tới thìn cho phải đạo trung.  
(Bài 119, tr.153)

Trẻ bắt tài nên kém bạn,  
Già *vô sự*, ấy là tiên.  
(Bài 45, tr.89)

Mặc chê dề, mặc yêu thương,  
*Vô sự* thì hơn nữa ngọc vàng.  
(Bài 90, tr.129)

Cũng cần kể ra đây việc Nguyễn Bình Khiêm sử dụng các điển cố điển tích gắn với tên người ẩn dật và không gian ẩn dật Trung Hoa như: Hứa Do, Sào Phủ, Lữ Vọng, Nghiêm Quang, Đào Tiềm, Khổng Minh...; Hồ Tây, Bàn Thạch, Phú Xuân, Nam Dương...

*Hồ Tây* thuyền nổi, hoa mai bạc,  
*Song Bắc* cầm xoang, vừng nguyệt  
thanh.

(Bài 15, tr.65)



*Vui vầy Lạc Xã dăm khách,  
Lánh chốn Nam Dương một lều.*

(Bài 25, tr.73)

*Của Thạch Sùng, nào của ấy?  
Danh Sào Phũ há danh không?*

(Bài 68, tr.110)

Các loài cây hoa như *tùng, cúc, trúc, mai...*; các loài vật như *long, li, quy, phượng, vượn, hạc...* với nho sĩ nói chung là để thể hiện sự cao quý, sang trọng, thanh nhã. Với người ẩn dật thì nó còn là biểu tượng của khí tiết thanh cao. Đặc biệt, *cúc* là loại cây hoa hầu hết được các nhà nho ẩn dật nhắc đến. Trong thơ của Bạch Vân cư sĩ, *cúc* cũng xuất hiện với nội dung như vậy:

*Vun thông, tưới cúc ba thăng mọn,  
Chở lửa, hâm trà một mụ hầu.*

(Bài 4, tr.55)

*Mai bạc lạnh quen nhiều tháng  
tuyết,*

*Cúc vàng thơm đối mấy phen hoa.*

(Bài 14, tr.64)

Tuy thế, so với Nguyễn Trãi, Nguyễn Bình Khiêm ít sử dụng điển cố đích tích hơn. Hẳn có lẽ điều này phụ thuộc vào thi pháp của từng tác giả nhưng từ phương diện ẩn mà nói, chúng tôi cho rằng thi sĩ am Bạch Vân đã đạt tới trạng thái tâm ẩn.

## 7. KẾT LUẬN

*Bạch Vân quốc ngữ thi tập* là tập thơ Nôm xuất sắc, giàu giá trị trên cả hai phương diện nội dung và nghệ thuật. Đặt trong dòng chảy của thể loại thơ Nôm Đường luật trung đại sẽ còn nhiều điều cần bàn luận thêm. Ở đây, chúng tôi đã cố gắng làm rõ các hình thức điển đạt về sự ẩn dật của Nguyễn Bình Khiêm trên tư cách ông là một nho sĩ ẩn dật. So với các ẩn sĩ trước và sau, có thể khẳng định rằng, Nguyễn Bình Khiêm đã xác lập được cho mình một lối ẩn riêng, một phương thức và cách thức thể hiện riêng, độc đáo, góp phần làm phong phú thơ trữ tình ẩn dật trung đại.

<sup>1</sup> *Thơ văn Nguyễn Bình Khiêm*, Đinh Gia Khánh chủ biên, Nxb Văn học, Hà Nội, 1983, tr.147, trích thơ trong bài chúng tôi đều lấy từ cuốn này, từ đây chỉ chú số trang.

<sup>2</sup> Xem thêm [7].

<sup>3</sup> *Nguyễn Trãi toàn tập*, Đào Duy Anh sưu tầm, biên dịch, giới thiệu, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1976, tr.398.

<sup>4</sup> *Nguyễn Trãi toàn tập*, đã dẫn, tr.418.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hội đồng Lịch sử Hải Phòng - Viện Văn học (1991), *Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm* (Kỷ yếu Hội nghị khoa học nhân 400 năm mất), Hải Phòng.
2. Trần Đình Hượu (1998), *Nho giáo và văn học Việt Nam trung cận đại*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
3. Đinh Gia Khánh (1983), “Nguyễn Bình Khiêm và tấm lòng lo trước thiên hạ đến già chưa nguôi”, *Thơ văn Nguyễn Bình Khiêm*, Nxb Văn học, Hà Nội, tr.3-45.

4. Trần Thị Băng Thanh (2001), “Thơ Nguyễn Bình Khiêm - thơ ngôn chí”, *Tạp chí Văn học*, (6), tr.3-9.
5. Trần Thị Băng Thanh, Vũ Thanh tuyển chọn giới thiệu (2001), *Nguyễn Bình Khiêm - về tác gia và tác phẩm*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
6. Lã Nhâm Thìn (1997), *Thơ Nôm Đường luật*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
7. Lê Văn Tấn (2013), “Loại hình tác giả nhà nho ẩn dật trong văn học trung đại Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu văn học*, (10), tr.43-58.
8. Lê Văn Tấn (2013), *Tác giả nhà nho ẩn dật và văn học trung đại Việt Nam*, chuyên khảo, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
9. Trần Ngọc Vương (1997), *Văn học Việt Nam dòng riêng giữa nguồn chung*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 14-3-2015; ngày phản biện đánh giá: 26-4-2015;  
ngày chấp nhận đăng: 25-7-2015)